

DÂN CƯ VÀ LỐI SỐNG ĐÔ THỊ

(Nghiên cứu một cộng đồng nghèo ven đô sông Hồng - Hà Nội)

NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

1. Nhân học đô thị với nghiên cứu các khu dân cư nghèo

Những khu cư trú nghèo khổ ở các thành phố trên thế giới từ khá lâu đã thu hút được sự quan tâm của khoa học xã hội (xem Tài liệu tham khảo ở cuối bài). Các nghiên cứu này đã chỉ ra nhiều điểm sáng, thông điệp về vai trò của mạng lưới và các mối quan hệ xã hội góp phần duy trì trật tự trong các khu nghèo khổ của thành phố.

Ở Việt Nam, những không gian “ngoại vi, bên lề” từng được miêu tả trong các tác phẩm văn học và phóng sự của Tam Lang, Trọng Lang, Vũ Trọng Phụng thời kỳ 1930 - 1945. Mười năm gần đây, những khu vực này lại thu hút được sự quan tâm trở lại của nhiều nhà nghiên cứu. Trịnh Duy Luân và Hans Schenk (2000) tìm hiểu về chỗ ở và cuộc sống của cư dân Hà Nội; Nguyễn Thị Hiền (2008) quan tâm đến không gian công cộng của khu dân cư nghèo Thượng Đình. Tiếp cận ở góc độ dân cư và lối sống, Văn Chính (2009) khám phá “xóm liêu” khu bãi rác phường Thành Công.

Chúng tôi thử nghiệm nghiên cứu đề tài này tại phố Gầm Cầu thuộc phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

2. Xóm gằm cầu Long Biên - Thế giới của người nghèo

2.1. Sự hình thành xóm Gầm Cầu

Khu “xóm liêu” gằm cầu Long Biên (từ đây gọi là xóm Gầm Cầu, còn tên gọi hành chính là Tổ 7) nằm ngoài đô ngay dưới chân cầu Long Biên, phía sau chợ Long Biên, thuộc cụm dân cư số 2, phường Phúc Xá. Với địa thế “nhất cận thị, nhị cận giang” từ lâu khu vực này thu hút nhiều đối tượng đổ về cư trú và kiếm sống.

Thời thuộc Pháp, như tình cảnh chung của các khu vực ngoài đô sông Hồng, xóm Gầm Cầu là những khu nhà tranh tạm bợ, lụp xụp, thường phải làm lại sau lũ. Những năm Pháp tạm chiếm (1947 - 1954), do dân cư phiêu tán, khu vực xóm Gầm Cầu bị bỏ hoang. Sau giải phóng (1954), dân nghèo ở các khu An Dương, Tân Ấp, Nghĩa Dũng ra đây khai hoang trồng rau và hoa màu. Khoảng những năm 1960, một số hộ chuyển hẳn ra ở đây, tuy nhiên nhà cửa còn thưa thớt, chủ yếu dựng bằng tre, nứa, cỏ tranh.

Từ cuối thập kỷ 80 trở đi, nhất là sau khi chợ Long Biên được thành lập (năm 1992), ngày càng có nhiều người đổ về đây sinh sống. Hiện nay, xóm Gầm Cầu nổi lên với những ngôi nhà cấp 4, những nhà dãy

trọ nghèo nàn và những bè nổi lụp xụp trên sông; đường ngõ nhỏ, hư hỏng nhiều và thường xuyên ngập nước. Phía sát bờ sông, sừng sững những đống rác làm cho môi trường luôn trong tình trạng bị ô nhiễm.

2.2. Cư dân xóm Gầm Cầu

Xóm Gầm Cầu là nơi tập trung của thị dân nghèo, người lao động di cư từ nông thôn, người lang thang cơ nhỡ, có cả giới tội phạm và tệ nạn xã hội.

Theo đăng ký hộ khẩu, dân cư trong xóm được chia làm 3 nhóm:

- *Nhóm thứ nhất* gồm những người có hộ khẩu tại phường Phúc Xá; trong đó, một phần là những gia đình đã ở khu vực này từ trước năm 1986. Họ là những người dân nghèo từng sống trong những ngôi nhà chật chội ở nội thị, hoặc những căn hộ 16-20m² được chia ra từ những tòa biệt thự của Pháp và những chung cư cũ, nhiều trường hợp mấy thế hệ cùng chung sống. Nhu cầu tìm kiếm không gian cư trú rộng rãi hơn ngày càng cấp bách, nhưng do không đủ tiền mua nhà trong nội thị, họ buộc phải tìm giải pháp mua nhà ở khu đất bãi với giá phải chăng hơn. Tham góp vào nhóm thứ nhất còn phải kể đến những hộ gia đình đi xây dựng kinh tế mới ở Tây Bắc nhưng không thành công, quay về Hà Nội và chuyển ra sinh sống ở bãi Phúc Xá.

- *Nhóm thứ hai* là những người sống ở phường Phúc Xá nhưng hộ khẩu lại ở các phường khác của Hà Nội. Đa số họ là những người trung lưu và dân nghèo nội thị chuyển đến hơn 10 năm gần đây. Do quy định về hộ khẩu, đặc biệt là quy định nhận học sinh

theo tuyến¹, một số lớn các hộ gia đình mặc dù đã chuyển tới ở phường Phúc Xá nhưng vẫn giữ hộ khẩu tại các phường, quận khác trong nội thành.

- *Nhóm thứ ba* là những người không có hộ khẩu Hà Nội, gồm hai nhóm chính. Nhóm thứ nhất, từ các tỉnh chuyển về để cư trú lâu dài, nhưng lại không được đăng ký hộ khẩu do chưa có nhà ở cố định hoặc nhà ở nằm trên đất dự án, đất giải tỏa hay đất cấm xây dựng. Nhóm thứ hai (chiếm đến một nửa dân số toàn khu vực²) là những người từ nông thôn ra cư trú tạm thời để tìm kế sinh nhai. Phần đông họ làm thuê bằng lao động chân tay hay buôn bán nhỏ ở chợ Long Biên. Số liệu điều tra của công an phường Phúc Xá (năm 2009) với 1.881 người lao động ngoại tỉnh cho thấy, những người lao động này chủ yếu từ các tỉnh phía Bắc, đặc biệt là những tỉnh ở đồng bằng sông Hồng, như Hưng Yên (29,5%), Thái Bình (13,5%), Thanh Hóa (10,9%), Bắc Giang (8,8%), Bắc Ninh (6,6%)... Đây là những tỉnh quanh Hà Nội và nông nghiệp chiếm ưu thế trong cơ cấu kinh tế của địa phương. Điều này chứng minh quan điểm di dân nông thôn - đô thị ở Việt Nam chủ yếu là *di cư khoảng cách ngắn*. Người nông dân di cư ra thành phố kiếm việc làm nhưng vẫn muốn giữ quan hệ gắn bó với quê nhà, nên thường lựa chọn nơi

¹ Trẻ em phải học các trường đúng theo tuyến, tức là theo nơi đăng ký hộ khẩu, nếu muốn học tại trường có điều kiện và chất lượng tốt hơn nhưng trái tuyến thì phải đóng các khoản phụ thu cao hơn nhiều so với học sinh đúng tuyến.

² Theo số liệu thống kê không chính thức, xóm Gầm Cầu có khoảng hơn 2.000 lao động từ nông thôn tạm trú, trong khi đó, theo thống kê dân số của phường Phúc Xá (2009), khu vực này chỉ có 620 nhân khẩu thường trú.

đến có khoảng cách ngắn. Sự gắn bó này không chỉ tạo thành mối liên hệ thường xuyên giữa thành thị và nông thôn, mà còn là nhân tố ảnh hưởng đến lối sống của cả hai khu vực.

Trong nhóm nhập cư, còn phải kể đến 16 hộ với 46 nhân khẩu ở khu Bãi giữa gốc ở xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Khi mùa nước lên, họ về quê; đến mùa nước rút, cả gia đình lại kéo nhau ra bãi giữa trồng rau màu để bán tại chợ Long Biên. Ngoài ra còn có 17 gia đình với 52 nhân khẩu³ - những người sống trên những chiếc bè ở sông Hồng. Có gia đình đã sống như thế hơn 20 năm, nhưng vẫn chỉ là dân ngụ cư. Dân xóm Nổi gắn bó với đời sống nghèo khó đô thị nhiều hơn với quê quán. Mối liên hệ với quê hương bản quán của nhóm này không được thường xuyên, nhiều người còn không nhớ chính xác quê gốc của mình. Có thể nói, khu xóm Nổi là chốn nương thân của tầng lớp bản cùng nhất trong xã hội đô thị, những người không quê quán, không tác đất cắm dùi, sống dựa vào việc lượm lặt phế liệu trên các góc ngách của thành phố.

Xóm Gầm Cầu cũng là môi trường kiếm ăn và ẩn mình của “thế giới ngầm” hình thành từ lâu và phát triển trở lại từ khi nền kinh tế thị trường được mở ra, các hoạt động kinh tế, thương mại ở liên khu chợ Đồng Xuân - Bắc Qua, khu 36 phố phường tái sôi động, cùng với hoạt động năng nổ của chợ đầu mối nông sản Long Biên. Cư dân của “thế giới ngầm” là các “đối tượng không xác định”, không có trong các thống kê về

nhân khẩu của phường. Họ gồm những thành phần bất hảo: cờ bạc, nghiện hút, buôn bán ma túy, trộm cắp, mại dâm, chọn khu vực ngoài đê này làm miếng đất kiếm ăn “lý tưởng” và nơi trú ngụ “an toàn”.

Nằm rải rác trong các ngõ nhỏ có 20 quán nước, quán bia và cửa hiệu tạp hóa. Đó cũng đồng thời là 20 đại lý ghi lô, đề, mà khách là những người lao động nghèo, dành dụm từng đồng nhờ chạy chợ, kéo xe vất vả, rồi ném vào hoạt động đỏ đen với ước nguyện làm giàu nhanh chóng, nhưng rồi đều trắng tay. Nơi đây cũng là trung tâm của các sới bạc nhỏ to. Sới nhỏ của những người lao động, chủ yếu là những người làm nghề bốc đầu xe ở chợ Long Biên. Sới lớn của các tay nghiền cờ bạc từ nhiều nơi đổ về; hoạt động tương đối chặt chẽ, luôn có lực lượng bảo vệ canh gác và cũng chỉ dành cho những gương mặt quen thuộc.

Xóm Gầm Cầu còn là một tụ điểm buôn bán và sử dụng ma túy. Hoạt động này diễn ra khá công khai, đặc biệt ở gầm cầu, ven sông. Dân cư ở đây đã quen thấy những ống xi lanh chích ma túy còn đọng máu vớt ở các chân cột điện hay rải rác khu đất bãi. Người ta cũng quá quen thuộc cảnh những con nghiện quần quai, sùi bọt vì sốc thuốc ở những bờ bụi ven sông.

Tham gia vào thế giới ngầm ở xóm nghèo này còn có “đội ngũ” đông đảo gái mại dâm. Theo ước lượng của một cộng tác viên dân số khu vực, hiện có hơn 200 cô gái làm nghề bán hoa thuê trọ; tập trung phần đông trong những dãy nhà tồi tàn ven bờ sông. Sinh hoạt và công việc của họ bị một lực lượng bảo kê quản lý. Nơi làm việc của họ là những quán bar, quán karaoke, quán massage gội đầu, nhà hàng, khách sạn, vũ

³ Số liệu điền dã tháng 9/2009. Theo thống kê kết quả thực hiện công tác đăng ký, quản lý nhân khẩu mặt nước tháng 5/2009 của công an phường Phúc Xá, khu vực này có 16 hộ, khoảng 40 nhân khẩu.

trường dọc đường Nghĩa Dũng và trên những con phố phía trong đê, những nơi tổ chức hoạt động bán dâm trá hình.

Xóm Gầm Cầu được coi là đất dữ, nơi hoành hành của các băng nhóm tội phạm lấy chợ Long Biên làm mảnh đất làm ăn lý tưởng. Đến nay, người dân Phúc Xá vẫn hãi hùng khi hồi tưởng lại thời kỳ hoành hành của các băng đảng ngầm Khánh Tráng, Hoa Béo (chuyên “làm luật” chặn tiền các xe chở hàng vào chợ, dưới quyền là đội ngũ 30 đàn em, đều có tiền án tiền sự). Hiện nay, chợ Long Biên là địa bàn hoạt động của nhiều nhóm nhỏ phân chia nhau “làm luật” theo nguồn đến của hàng hóa, trong đó nổi tiếng hung hãn là nhóm S “điên”, chuyên “làm luật” xe từ Lạng Sơn về.

Thế giới ngầm có lẽ là điểm nhìn đầu tiên khi người ta nhìn nhận về phường Phúc Xá, đặc biệt là về xóm Gầm Cầu. Điểm nhìn ấy thường choán hết tầm nhìn, đến mức đa số người ngoài chỉ còn thấy khu dân cư này như là thế giới của tội phạm và tệ nạn xã hội.

Nhìn suốt quá trình hình thành, phát triển từ thời thuộc Pháp đến thời bao cấp và thời kinh tế thị trường, xóm Gầm Cầu nói riêng và khu vực ngoài đê nói chung vẫn nổi bật là nơi tụ cư của người nghèo, dân di cư, người sa cơ lỡ vận, các thành phần bất hảo và giới tội phạm. Nơi đây luôn mang diện mạo của một khu đất bãi bấp bênh và tạm bợ, không chỉ bởi sự bất thường của dòng sông Hồng, mà còn bởi chính đời sống vất vả, bấp bênh của người dân.

3. Quan hệ xã hội trong xóm

3.1. Quan hệ ngõ xóm

Thoạt nhìn đời sống hàng ngày trong xóm, người ta dễ nghĩ rằng ở đây không có

mối quan hệ láng giềng gắn bó kiểu “tối lửa tắt đèn có nhau” như trong các làng quê truyền thống Việt Nam. Cư dân của xóm chủ yếu là dân nghèo tứ xứ và dân từ nhiều vùng nông thôn khác nhau đổ về làm ăn, sinh sống. Mỗi người một hoàn cảnh, một công việc, họ tôn trọng nguyên tắc “không can thiệp vào việc riêng của người khác”. Trước những hoạt động bán công khai của thế giới ngầm đầy dẫy dần, người dân nơi đây lựa chọn giải pháp im lặng như là lá chắn tự bảo vệ. Xóm Gầm Cầu tuy có một ban dân quản lý dân cư chịu sự quản lý của chính quyền phường Phúc Xá, nhưng ban này cũng tuyệt đối tôn trọng nguyên tắc “không can thiệp” nói trên. Không có việc cán bộ dân phố đến hòa giải tranh cãi giữa các gia đình hay mâu thuẫn nội bộ của các gia đình như thường thấy ông trưởng thôn giải quyết ở các làng quê. Thậm chí, quy định đồ rác đúng giờ cũng ít được tôn trọng. Một chế tài cho hành động đổ rác bừa bãi đã được đưa ra bàn bạc nhiều lần vẫn không được thông qua. Nguyên tắc “không can thiệp” một mặt dường như phản ánh lối sống cá nhân vẫn được coi như đặc trưng của lối sống đô thị; mặt khác dường cũng tạo nên hình ảnh một khu dân cư thiếu liên kết và rời rạc. Song, từ góc độ khác, đáng ngạc nhiên là chính nguyên tắc “không can thiệp” lại góp phần biến xóm Gầm Cầu thành một cộng đồng gắn kết, bên ngoài khó xâm nhập. Người ngoài đến đây đều nhận được ánh mắt nghi ngờ, thái độ đề phòng, và nếu như hỏi một điều gì đó thì câu trả lời đều là “không biết”. Có lẽ môi trường xã hội phức tạp đã tạo nên lối sống “bịt tai”, “làm ngo”. Nó như là cách thức hữu hiệu để dân xóm nghèo tránh khỏi rắc rối, phiền hà và cũng là cách để cộng đồng tránh khỏi sự dò xét từ bên ngoài.

Nhưng khi nguyên tắc “không can thiệp” bị phá vỡ, quyền lợi cá nhân bị xâm phạm, người ta sẵn sàng dùng mọi biện pháp, kể cả vũ lực, để giành quyền lợi cho mình, nhất là trong tranh chấp nhà cửa, đất đai không hiếm gặp trong đời sống thường ngày và thường được giải quyết theo lối “xã hội đen” nhiều hơn là nhờ đến pháp luật. Cung cách hành xử ấy lại càng khiến xóm Gầm Cầu trở thành một “vùng đất dữ” dưới cái nhìn của người ngoài. “Các quan hệ ở thành phố có thể mặt đối mặt trên thực tế, nhưng vẫn mang tính phi cá nhân, hời hợt và phân rẽ” (Wirth, 1975, tr. 35).

Tuy nhiên, đi sâu vào cuộc sống của thành phần cư dân trong từng ngõ ngách của xóm Gầm Cầu, thì thấy mối quan hệ ngõ xóm ở đây không hoàn toàn giá lạnh, mà vẫn có sự tương trợ theo hình thức “cùng cảnh ngộ”, như chất keo gắn kết những con người nghèo khó nơi đây, giữa những người có hộ khẩu, cũng như giữa những di dân với nhau và cả giữa những người thuê trọ với dân sở tại.

Chị Ngát quê ở Vĩnh Phúc, vốn là sinh viên một trường trung cấp ở Hà Nội. Năm thứ hai, chị bị người yêu lừa tình rồi ruồng bỏ trong lúc mang bầu 4 tháng. Xấu hổ không dám về quê, phẫn uất vì bị người yêu lừa, hoang mang về tương lai của hai mẹ con, chị đã nhảy xuống sông Hồng tự tử, nhưng may mắn được dân khu bãi cứu sống và bao bọc. Họ giúp chị tìm chỗ trọ trong xóm, giới thiệu công việc gánh thuê ở chợ Long Biên. Nay con gái chị đã 6 tuổi và được gửi nhà trẻ, hàng ngày được những người cùng xóm trọ đón đưa, tắm giặt, cho ăn khi chị bận đi làm ở chợ chưa về. Chị cho biết, nhiều khi con ốm, chị không có tiền trả

tiền phòng, chủ nhà trọ cũng cho chị nợ; có lúc bà còn không lấy tiền điện. Bà tử tế lắm, vì bà trước đây cũng là dân nghèo nên mới phải đến xó này khai hoang.

Đó chỉ là một ví dụ trong muôn vàn cảnh ngộ éo le ở xóm nghèo. Mỗi người một số phận, nhưng họ có chung tình cảnh nghèo khó, chung môi trường sống phức tạp, chịu chung định kiến là “dân bợ”⁴ của thành phố. Vì vậy họ có xu hướng liên kết, giúp đỡ nhau: giúp nhau công việc, bán hộ hàng ế, chăm sóc trẻ con hay đỡ đần cơm nước lúc ốm đau... Thậm chí, cả những người chủ cho thuê trọ cũng tự coi mình là người cùng cảnh ngộ với dân lao động thuê trọ. Bởi tuy hiện nay họ có nhà, có đất cho thuê, nhưng trước đây họ cũng là dân quê nghèo phiêu dạt hay những người nghèo trong nội thị phải ra bãi hoang ngoài đê để mưu sinh. Do đó, mối quan hệ giữa dân sở tại với người lao động thuê trọ khá gần gũi, vẫn là quan hệ có tính tương trợ của “những người cùng cảnh ngộ”. Như một nghịch lý, nơi bị coi là khu ổ chuột, là điểm nóng về tội phạm và tệ nạn xã hội lại là nơi những thân phận bất hạnh tìm thấy sự “bình đẳng”, “yên bình” và “curu mang”.

Cũng bởi cùng chia sẻ vị thế “xóm liều” nên người dân có ý thức liên kết với nhau khá cao, điều tưởng như trái ngược lối sống “không can thiệp” ở đây. Chỉ có điều, tinh thần liên kết ấy “ẩn” đi trong đời sống hằng ngày, khi cộng đồng cùng gặp biến cố, nó “hiện” ra và phát huy mạnh mẽ. Câu chuyện về cuộc đấu tranh của người dân đòi cải tạo con mương dẫn nước thải lộ thiên là

⁴ “Dân bợ” là từ của một cán bộ phường Phúc Xá khi nói về dân cư Tổ 7, Tổ 8, Cụm 2, ngụ ý khu vực này chủ yếu là dân cư trú thời gian ngắn, tạm bợ, gắn kết tạm vào đô thị.

một mình chứng. Khoảng đầu năm 1990, khi quận Ba Đình cho lấp hồ Nghĩa Dũng và hồ Phúc Xá, toàn bộ nước thải của phường Phúc Xá dồn xuống con mương ngay phía sau chợ Long Biên, ôm trọn xóm Gầm Cầu. Con mương rộng chừng 3m, phơi ra dòng nước đen ngòm và đặc mùi xú ối. Với sự gia tăng dân số phường Phúc Xá, mương càng ô nhiễm thậm tệ. Khu vực mương này cũng là chỗ hoạt động của các đối tượng nghiện hút và tội phạm, càng gây phức tạp thêm cho đời sống vốn chẳng bình yên của khu dân cư nghèo. Năm 1997, các hộ gia đình sống dọc bờ mương đã cùng nhau làm đơn đề nghị phường Phúc Xá cho “ngâm hóa” con mương, nhưng không được trả lời. Toàn thể dân xóm đã họp và đồng lòng đề nghị sửa chữa con mương, sau đó nhiều lá đơn được gửi lên các cấp chính quyền. Cuộc đấu tranh vì môi trường sống của người dân xóm Gầm Cầu kéo dài cho đến năm 2006, khi chính quyền quận Ba Đình quyết định cải tạo con mương thành mương chìm.

Rõ ràng, bên trong lối sống có vẻ cá nhân và lạnh nhạt theo nguyên tắc “không can thiệp”, vẫn tồn tại tinh thần gắn kết cộng đồng. Khi quyền lợi của cộng đồng bị xâm phạm, tinh thần ấy trở dậy và có giá trị như một công cụ đấu tranh hữu hiệu. Nguyễn Vũ Hoàng (2008) trong nghiên cứu về vốn xã hội và hành động tập thể của một cộng đồng dân cư ở quận Thanh Xuân (Hà Nội) cũng chỉ ra sự tồn tại của quan hệ xóm giềng trong môi trường đô thị và sức mạnh của nó trong hành động vì mục đích chung của nhóm.

Như vậy, những nguyên tắc tưởng như đối lập (“không can thiệp”/ tương trợ trên cơ sở “đồng cảnh ngộ”) và sự đồng thuận tập thể vì “quyền lợi chung”, lại là những viên

gạch tạo dựng mối quan hệ xóm giềng cũng như lối sống của xóm nghèo ngoài đô.

3.2. Quan hệ họ tộc, đồng hương

Như nhiều nghiên cứu đã chỉ ra, mối liên hệ cùng họ tộc và cùng làng là chất keo kết dính quan trọng, liên kết những người dân trong mỗi làng quê Việt Nam. Mối liên hệ ấy thể hiện như thế nào và có vai trò gì trong môi trường xã hội đô thị, đặc biệt trong một môi trường xã hội đặc trưng ở “xóm liều”?

Louis Wirth (1975) cho rằng đô thị hóa có quan hệ đến tình trạng tội phạm và khiến gia đình tan vỡ. Không thể phủ nhận những tác động tiêu cực của đô thị hóa đến cấu trúc cũng như quan hệ gia đình. Khi tìm hiểu những hộ đã ở xóm Gầm Cầu từ trước năm 1990, cho thấy có sự rạn nứt trong quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, đặc biệt là quan hệ giữa cha mẹ với con cái và giữa các anh chị em. Sự rạn nứt đó thường bắt đầu từ việc tranh giành đất đai, khi đất đai trở thành tài sản có giá trị cao và sinh lời lớn trong kinh tế thị trường.

Trường hợp bà Liễu, một trong những cư dân đầu tiên của xóm Gầm Cầu có lẽ là điển hình nhất. Bà có 5 người con, 3 gái, 2 trai. Khi các con lập gia đình, bà cất đất ruộng rau xung quanh nhà cho mỗi đứa một phần, một phần giữ lại xây thành 7 phòng trọ cho thuê để bà có tiền sinh hoạt thường ngày. Nhưng anh con cả cứ đòi bán cái nhà cấp 4 cũ. Bà không chịu, thì bị con chửi rủa “chết đi mà ôm nhà xuống mồ”. Cực chẳng đã, bà phải bán nhà được 300 triệu cho anh ta. Nhưng anh con út - dù đã được bà “sang tên” quyền sở hữu một căn nhà vẫn không chịu, cho rằng bà thiên vị anh cả, rồi anh em

không nhìn mặt nhau. Mấy người con còn đòi bà chia cả mấy cái phòng trọ (Tur liệu điền dã tháng 9 năm 2009).

Khi đô thị hóa gia tăng, sức ép dân số đè nặng lên quỹ đất hạn hẹp của đô thị, những vùng đất vốn bỏ hoang hoặc không ai ở lại trở nên có giá trị. Đất bãi ngoài sông từ chỗ tự do khai hoang giờ đã trở thành loại tài sản đáng giá, đặc biệt đối với dân nghèo, những người mà sinh kế chủ yếu dựa vào làm thuê làm mướn những công việc tay chân hoặc chạy chợ. Chính vì vậy, đất đai trở thành nguyên nhân của những tranh chấp trong gia đình. Nhiều gia đình bị rạn nứt và mối liên kết tình cảm giữa cha mẹ với con cái cũng như giữa anh em bị sút mẻ. Sự gắn kết tình cảm theo nếp truyền thống của nhiều gia đình đã bị lung lay trong cơn bão đô thị hóa.

Tuy vậy, như Oscar Lewis (1975) nhận định, đô thị hóa không chỉ là một dạng đơn nhất, mà trên thực tế quá trình này rất phức tạp. Cũng như vậy, những ảnh hưởng của đô thị hóa không theo một hướng đơn nhất. Bên cạnh những rạn nứt xảy ra trong một bộ phận các gia đình ở đô thị, dưới sức ép của đô thị hóa, gia đình cũng có xu hướng gắn kết, những liên hệ theo họ tộc cũng được gia cố và có vai trò quan trọng đối với sự thích ứng và đương đầu với đói nghèo của người dân đô thị. Quan hệ họ tộc cùng với quan hệ đồng hương là một trong những nguồn vốn xã hội cho người nghèo. Ý nghĩa của các mối quan hệ này đặc biệt nổi bật trong đời sống của người lao động di cư từ nông thôn. Mạng lưới họ hàng và người làng là kênh thông tin về công việc, cuộc sống ở thành phố, là điểm nương tựa khi gặp khó khăn nơi đô thị, đồng thời là mối liên hệ của người lao động với quê nhà.

Chị Nguyễn Thị Nhung quê ở Văn Lâm, Hưng Yên, trọ ở Tò 7 đã được 4 năm. Theo một người chị họ làm nghề gánh gồng ở chợ Long Biên từ năm 1998, chị Nhung ra gánh thuê cũng ở chợ này, trọ cùng phòng với người chị họ kia và 2 người làng nữa. Công việc lúc đầu chưa quen, không có nhiều khách, chị Nhung thỉnh thoảng lại được chị họ nhường cho mỗi hàng. Chị có 2 con nhỏ, đều gửi vợ chồng người em trai chồng nuôi nấng ở quê. Cứ 3 tuần chị về quê một lần thăm con và đem tiền về gửi nuôi con. Nhiều khi việc bận, không thể về được, chị gửi người làng cầm tiền và quà về cho con. Cách nhà chị Nhung trọ 3 dãy là một nhà trọ theo ngày của 20 người cùng làng với chị. Mỗi khi có ai đó từ quê mới lên, chị Nhung đều đến nghe kể chuyện về làng xóm. Nhờ đó mà chị biết được tình hình ở quê (Tur liệu điền dã tháng 3 năm 2009).

Trường hợp cụ thể nêu trên cho thấy ý nghĩa của mạng lưới họ hàng và đồng hương đối với cuộc sống của người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị. Trước khi rời quê ra Hà Nội kiếm sống, thông qua mạng lưới họ hàng và người làng, nhiều người đã biết khá rõ công việc và điểm đến của mình, đã xác định được việc sẽ làm ở thành phố. Thực tế này trái với nhiều quan điểm cho rằng, dòng di dân từ nông thôn thường lạng lặc với đô thị và thường đóng góp vào đội quân thất nghiệp của thành phố. Khi tham gia vào đời sống đô thị, mạng lưới này lại tiếp tục phát huy vai trò hỗ trợ người lao động, từ việc truyền đạt kinh nghiệm lao động, kinh nghiệm sống đến chia sẻ việc làm và giúp đỡ khi hoạn nạn. Trong môi trường xã hội phức tạp ở xóm Gầm Cầu, nơi tội phạm và tệ nạn xã hội nhiều lúc hoạt động công khai, những trợ giúp của người làng và họ hàng thực sự

là một mạng lưới bảo vệ quan trọng cho người lao động đến từ nông thôn. Thêm vào đó, thông qua những câu chuyện của người làng, của họ hàng, những người phải xa quê thường xuyên được cập nhật thông tin ở làng quê, và ngược lại, người thân ở quê cũng nắm bắt được cuộc sống của những người làng mình nơi đô thị. Đây thực sự là một kênh thông tin có giá trị thiết thực, tạo thành mối liên hệ sống giữa nơi đi và nơi đến của người lao động. Mối liên hệ này không chỉ có vai trò đưa tin thông thường, mà quan trọng hơn, nó còn là nguồn động viên đối với cả người ra đi tìm kế sinh nhai và người thân ở quê nhà. Có thể nói, sức mạnh tinh thần của những người lao động đang lam lũ kiếm sống ở chốn thị thành được nuôi dưỡng từ chính làng quê của họ.

Rõ ràng, đặt mình trong mạng lưới xã hội đồng hương và họ hàng là cách thức người lao động nghèo tạo dựng và sử dụng vốn xã hội để hạn chế rủi ro, tăng cường những ủng hộ tích cực trên con đường nỗ lực thoát khỏi đói nghèo.

4. Kết luận

Khác với cách nhìn định kiến coi xóm Gầm Cầu như là tụ điểm của thế giới ngầm với tệ nạn xã hội và các vấn đề phức tạp khác, cư dân chủ yếu của khu vực này thực chất là những thị dân nghèo và những người lao động di chuyển từ nông thôn ra Hà Nội mưu sinh. Họ vẫn duy trì một lối sống có sự pha trộn giữa đô thị và nông thôn, có sự song hành của những hiện tượng và nguyên tắc tưởng như đối nghịch nhau. Trước sự xô đẩy của cơn bão đô thị hóa, vừa xảy ra sự rạn vỡ các mối quan hệ truyền thống trong đời sống gia đình ở một bộ phận dân cư, vừa có xu hướng cố kết dòng tộc và gắn bó đồng

hương để tạo thành một chỗ dựa cần thiết, như một nguồn vốn xã hội quý giá giúp người nghèo, người lao động di cư trong nỗ lực thoát nghèo. Cũng tương tự, những nguyên tắc tưởng như đối lập: nguyên tắc “không can thiệp”, nguyên tắc tương trợ trên cơ sở “đồng cảnh ngộ” và sự đồng thuận tập thể vì “quyền lợi chung”, đóng vai trò như những viên gạch xây dựng nên các mối quan hệ xã hội cũng như lối sống của xóm nghèo ngoài đô.

Chính những nguyên tắc xã hội phi chính thức ấy đã góp phần chủ chốt duy trì một trật tự tương đối ở “xóm liêu”. Như đã thấy, “xóm liêu” không phải một nơi cư trú lộn xộn, cũng không đơn thuần là điểm nóng về tệ nạn xã hội và tội phạm hoặc một địa bàn cần giải tỏa, tức là một điểm nhấn không hề đẹp đẽ, làm xấu bộ mặt Hà Nội như cách nhìn méo mó của dư luận và cơ quan quản lý. Những định kiến và cách nhìn kiểu “dán nhãn” như vậy đã dẫn đến việc thờ ơ cải thiện cơ sở hạ tầng, cung cấp các dịch vụ giáo dục, đào tạo, y tế và các phúc lợi xã hội khác cho cư dân “xóm liêu”.

Lối sống này chịu ảnh hưởng lớn của quá trình đô thị hoá phức tạp đang diễn ra hiện nay ở Hà Nội. Đây là một quá trình đô thị hóa diễn ra không đều giữa các vùng, cũng như giữa việc mở rộng sản xuất và gia tăng dân cư nhanh chóng ở đô thị không đồng hành với việc xây dựng cơ sở hạ tầng cho đô thị. Điều đó dẫn đến phân tầng xã hội giữa nông thôn và thành thị, làm cho đô thị được coi là “đích đến” để tìm kiếm việc làm và thu nhập của những người nông dân, khi tính năng động xã hội của họ được giải phóng nhờ kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, sự phát triển không đều của đô thị hoá còn

dẫn đến sự phân tầng ngay trong nội bộ đô thị, tạo ra phân hoá giàu - nghèo và những bối cảnh dễ bị tổn thương (bối cảnh dễ đi đến nghèo đói) tăng lên nhanh chóng. Chính sự phân hóa này đã đẩy bộ phận cư dân ít tiềm lực trong xã hội đô thị trở thành tầng lớp dân nghèo đô thị. Dưới sức ép của đô thị hóa và phân tầng xã hội, thị dân nghèo và dân di chuyển từ nông thôn dần tập trung tại những khu vực cư trú dễ bị tổn thương và hình thành nên các “xóm liều”. Đó là những nơi mà nghèo đói (hiểu dưới góc nhìn đa diện: nghèo về thu nhập, nghèo về khả năng tiếp cận các nguồn lực, nghèo về quyền...) hiện diện rõ nét trong quan hệ xã hội và lối sống của cư dân, tồn tại như một sự ám ảnh.

Tài liệu tham khảo

1. Bourgois, Phillippe (1995), *In Search of Respect: Selling Crack in El Barrio*, Cambridge University Press, Cambridge.

2. Nguyễn Văn Chính (2009), “Những người di cư tự do trong không gian đô thị: Nghiên cứu trường hợp một xóm liều Hà Nội”, trong: *Bảo tàng và Nhân học đô thị*, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Hà Nội.

3. Công an phường Phúc Xá (2009), *Thống kê nhân khẩu tháng 4 năm 2009*.

4. Nguyễn Thị Hiền (2008), “Không gian công cộng trong những khu dân cư đô thị nghèo: trường hợp nghiên cứu tại phường Thượng Đình, Hà Nội”, *Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 3: Việt Nam hội nhập và phát triển*.

5. Nguyễn Vũ Hoàng (2008), “Vốn xã hội trong đô thị: Một nghiên cứu nhân học về hành động tập thể ở một dự án phát triển đô thị tại Hà Nội”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5 (155), tr. 11-26.

6. Tam Lang (2000), “Tôi kéo xe”, trong: *Phóng sự Việt Nam 1932-1945*, Phan Trọng Thường, Nguyễn Cừ, Nguyễn Hữu Sơn (sưu tầm, biên soạn), Nxb Văn học, Hà Nội.

7. Trọng Lang (2000), “Hà Nội làm than”, trong: *Phóng sự Việt Nam 1932-1945*, Phan Trọng Thường, Nguyễn Cừ, Nguyễn Hữu Sơn (sưu tầm, biên soạn), Nxb Văn học, Hà Nội.

8. Lewis, Oscar (1975), “Urbanization without Breakdown: A case Study”, in: *City Ways - A Selective Reader in Urban Anthropology*, Thomas Y Crowell, New York, tr. 345-357.

9. Trinh Duy Luan and Schenk, Hans (eds.) (2000), *Nơi ở và cuộc sống của cư dân Hà Nội* (Housing and life of Hanoi citizens), Hanoi, Culture - Information Publishing House.

10. Vũ Trọng Phụng (2000), “Com thầy com cô”, trong: *Phóng sự Việt Nam 1932-1945*, Phan Trọng Thường, Nguyễn Cừ, Nguyễn Hữu Sơn (sưu tầm, biên soạn), Nxb Văn học, Hà Nội.

11. Hoàng Đạo Thúy (2004), *Người và cảnh Hà Nội*, Nxb Hà Nội.

12. Nguyễn Văn Uẩn (1995), *Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX*, Nxb Hà Nội.

13. Wirth, Louis (1975), “Urbanism as a way of life”, in: *City ways - A selective reader in Urban Anthropology*, John Friedl and Noel J Chrisman (eds.), Thomas YCrowell, New York.

14. Whyte, William Foote (1993), *The Social Structure of an Italian Slum*, University of Chicago Press, Chicago.